

Bản án số: 61/2022/DS-PT
Ngày 27 - 12 - 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái

Bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Do bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện S có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 89/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị V, sinh năm 1964, (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn Đức T, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Bị đơn:

2.1. Chị Tô Thị D, sinh năm 1985, (Có mặt);

2.2. Anh Vũ Minh Q, sinh năm 1983, (Có mặt);

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Đức S, sinh năm 1958, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đức T, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

4. Người kháng cáo: Chị Tô Thị D, anh Vũ Minh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2021, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị V trình bày: Bà và vợ chồng anh Vũ Minh Q, chị Tô Thị D có quen biết ngoài xã hội. Qua mối quan hệ nên anh Q, chị D đã 03 lần đến nhà bà vay tiền, mục đích vay để mở công ty khoáng sản. Cụ thể các lần bà cho anh Q, chị D vay tiền như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 13/9/2017 (Âm lịch), anh Q, chị D lên nhà bà vay 300.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền; anh Q, chị D cùng nhận tiền và ký giấy vay tiền, lãi không thể hiện trong giấy vay tiền nhưng thỏa thuận ngoài là 1,5%/tháng, thời hạn vay không xác định. Anh Q, chị D đã trả lãi đến 20/7/2018 (Âm lịch).

Lần thứ hai: Ngày 20/11/2017 (Âm lịch), chị D, anh Q lên nhà bà vay 100.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền; chị D và anh Q cùng nhận tiền và ký giấy vay tiền, lãi không thể hiện trong giấy vay tiền nhưng thỏa thuận ngoài là 1,5%/tháng, thời hạn vay không xác định. Anh Q, chị D đã trả đến ngày 13/8/2018 (Âm lịch).

Lần thứ ba: Ngày 20/8/2018, anh Q, chị D vay bà số tiền 160.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, chị D nhận tiền và ký giấy vay tiền, lãi không thể hiện trong giấy vay tiền nhưng thỏa thuận ngoài là 1,5%/tháng. Đồng thời, tại giấy vay tiền đó chị D ghi nội dung vay tổng số tiền 560.000.000đ và sẽ trả sau 10 ngày (gồm 400.000.000 đã vay 02 lần trước đó cộng 160.000.000 đồng vay ngày 20/8/2018). Lần vay này có bà Nguyễn Thị T là người ở xã P, huyện S làm chứng.

Kể từ khi vay tiền, chị D, anh Q đã trả lãi cho bà được 61.500.000 đồng, trong đó có 42.000.000 đồng trả qua tài khoản ngân hàng Agribank. Từ đó, anh Q, chị D không trả tiền lãi và gốc cho bà, bà đã nhiều lần đến nhà, gọi điện nhưng anh Q, chị D đều trốn tránh, khi gặp thì có thái độ thách thức, chửi bới bà. Năm 2020 bà đã làm đơn Tố cáo hành vi lừa đảo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh Q, chị D gửi Công an tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó Công an tỉnh Vĩnh Phúc điều tra xác minh và có Quyết định không khởi tố vụ án nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu buộc anh Q, chị D trả nợ cho bà số tiền 560.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật từ tháng 01/10/2018 đến nay.

Bị đơn chị Tô Thị D trình bày: Chị với bà V chỉ là quen biết, không có họ hàng gì. Tháng 5/2015 do cần tiền để chữa bệnh cho mẹ đẻ chị nên chị đến nhà bà Nguyễn Thị T ở thôn Khoan Bộ, xã P để vay tiền nhưng bà T không có nên bà T dẫn chị đến nhà bà V để chị hỏi vay tiền, bà V đã cho chị vay số tiền 60.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu /ngày, trả lãi 1 tháng, một lần. Vay được 01 tháng, chị mang trả cả gốc và lãi là 69.000.000 đồng. Trong đó 60.000.000 đồng tiền gốc, lãi là 9.000.000 đồng. Sau khi trả nợ xong, bà V có hỏi: “ Có vay nữa không”, do có việc cần tiền nên chị trả lời “có” và bà V cho

vay 100.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Tổng mỗi tháng phải trả cho bà V 12.000.000 đồng tiền lãi của 100.000.000 đồng đã vay, chị đã trả lãi cho bà V được 3 tháng, bà V lại hỏi chị, “Tao cho mày vay 100.000.000 đồng”, chị đồng ý, vay thêm 100.000.000 đồng, có giấy biên nhận vay tiền, thời hạn vay chị không nhớ, lãi vay lần này là 4.500 đồng/1 triệu/ngày. Mỗi tháng, chị phải trả lãi cho bà V 2 khoản vay là 25.500.000 đồng, được khoảng 5 đến 6 tháng bà V lại yêu cầu chị trả 200.000.000 đồng tiền gốc. Chị xin khất nợ nhưng bà V không đồng ý và bà V bảo chị xuống nhà bà T vay 200.000.000 đồng, vay ngày bao nhiêu chị không nhớ, có viết giấy biên nhận, thời hạn vay là 3 tháng, lãi suất thỏa thuận là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày để trả cho bà V. Được 03 tháng thì bà T đòi chị trả cả gốc và lãi. Do chị không có tiền trả nên bà T lại bảo chị lên nhà bà V để vay và trả cho bà. Do không có chỗ nào vay được tiền nên chị lên nhà bà V vay 200.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận, thỏa thuận lãi là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (Mỗi tháng chị phải trả cho bà V là 24.000.000 đồng cho khoản vay này). Sau khi vay được khoảng 4 đến 5 tháng, đến kì trả lãi của tháng thứ 5 hay thứ 6, do chị chậm trả lãi 2 ngày, chị lên nhà khất lãi thì bà V nói “Tiền tao cho mày vay là tao đi vay lãi của người khác nên giờ tao phải thay mày đóng lãi nhưng tao không có tiền nên tao đi vay hộ, vay thêm cho mày 100.000.000 đồng nữa”, có viết giấy biên nhận, thời hạn trả bao lâu không nhớ, lãi thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Sau đó bà V trừ ngay lãi của 100.000.000 đồng vừa vay là 12.000.000 đồng và trừ 24.000.000 đồng lãi cũ của 200.000.000 đồng mà chị chưa trả. Như vậy, lần vay 100.000.000 đồng này chị chỉ được cầm về là 64.000.000 đồng. Từ đó trở đi, khoảng 5 đến 6 tháng chị phải trả lãi cho bà V mỗi tháng là 36.000.000 đồng, đến tháng thứ 7 do khó khăn nên chị không trả được lãi nên bà V bảo với chị tiếp tục cho chị vay 100.000.000 đồng, có giấy biên nhận, lãi 4.000 đồng/1 triệu/ngày và cũng như lần trước, bà V trừ lãi ngay.

Sau đó chị có vay của bà V nhiều lần đã trả rất nhiều lần tiền lãi đến nay chị không nhớ cụ thể. Nay bà V khởi kiện buộc chị phải trả 560.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định pháp luật thì chị có quan điểm: Đối với 03 giấy vay tiền bà V cung cấp cho Tòa án có chữ ký của chị và anh Q chị xác nhận chỉ nợ bà V 400.000.000 đồng còn khoản vay 160.000.000 đồng không phải vợ chồng chị vay mà là do bà V thuê nhiều người đến đe dọa, bắt chị ký giấy nhận vay khoản nợ này, chị không được nhận tiền (đây là khoản tiền bà V tính lãi và chị ký nhận nợ) nên không chấp nhận và không trả khoản 160.000.000 đồng và tiền lãi. Việc chị bị ép buộc, đe dọa ký giấy nhận khoản nợ 160.000.000 đồng, ngoài lời trình bày, chị không có bằng chứng hay tài liệu gì để chứng minh. Lúc ký giấy vay tiền chỉ có chị ký giấy vay nợ nhưng không hiểu vì sao, sau đó có người ký làm chứng, trong đó có anh Quỳnh phó trưởng Công an xã Q ký và đóng dấu. Nay chị xác định có nợ tiền của bà V nhưng quá trình vay đã trả xong

(trả qua tài khoản ngân hàng, trả trực tiếp, có lần chồng chị trả, có lần nhờ em gái chồng chị là Vũ Trần Đặng Minh Nhân trả hộ, khi trả đều không có giấy biên nhận tiền với bà V nhưng có người làm chứng là chị Không Thị Thúy. Chị xác định đã trả số tiền lãi cho bà V nhiều hơn số tiền vay là 560.000.000 đồng nên đề nghị Tòa án xem xét vụ việc bà V cho chị vay nặng lãi mang tính bóc lột, dùng xã hội đen đe dọa chị và gia đình nhiều lần.

Chị thừa nhận số tiền 560.000.000 đồng trên giấy tờ theo 03 giấy vay tiền là chị vay riêng của chị, đến nay chưa trả được cho bà V, không liên quan đến anh Q chồng chị. Lý do chồng chị cùng ký vào Giấy vay tiền là do sau khi chị không trả được tiền gốc và tiền lãi, bà V đã cho (xã hội đen) đến đe dọa, ép chồng chị ký vào giấy vay nợ. Sau đó chị lại xác nhận có vay bà V 400.000.000 đồng tiền gốc nhưng vợ chồng chị đã trả tiền lãi quá số tiền gốc và tiền lãi, trả trực tiếp và qua tài khoản ngân hàng (giao dịch tại ngân hàng Agribank với số tiền trả là 42.000.000 đồng) nên hiện nay không nợ bà V đối với 02 khoản vay này nữa. Đối với khoản vay 160.000.000 đồng, chị không chấp nhận nên không đồng ý trả tiền gốc và lãi đối với giấy vay nợ khoản vay này. Chị xác định từ thời điểm bà V làm đơn tố cáo chị đến cơ quan Cảnh sát điều tra chị không trả thêm được khoản tiền nào cho bà V và đã trả toàn bộ tiền lãi đến hết tháng 8 năm 2018.

Bị đơn anh Vũ Minh Q trình bày: Anh và bà V không quen biết nhau, chỉ đến khi vợ anh vay nợ tiền của bà V thì anh mới biết. Đối với việc vợ anh là chị Tô Thị D vay nợ tiền của bà V, cụ thể vay bao nhiêu anh không biết, vay khi nào, lãi, thời hạn trả nợ như thế nào. Có một vài lần chị D đi làm xa không về trả lãi được nên đã chuyển tiền về để anh lên trả tiền lãi cho bà V, các lần anh trả tiền lãi gặp và đưa tiền trực tiếp cho bà V, đưa tiền xong bà V cho anh ký xác nhận trả tiền lãi vào sổ riêng của bà V nhưng anh không được cầm lại giấy tờ gì. Việc anh ký vào giấy vay tiền mà bà V nộp cho Tòa án để làm căn cứ xác định anh là bị đơn, anh trình bày như sau: Việc anh ký vào giấy vay tiền là do chị D vợ anh không ở nhà, bà V và những người đi cùng vào nhà chỉ anh và bắt anh ký vào giấy vay tiền nếu không ký thì đe dọa, uy hiếp tính mạng anh nên anh ký. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà V yêu cầu chị D vợ anh phải trả cho bà V số tiền gốc 560.000.000 đồng và tính lãi theo lãi Ngân hàng nhà nước từ 01/10/2018 đến nay. Quan điểm của anh về việc vay tiền giữa chị D là vợ anh với bà V, anh không biết, anh không phải người vay tiền, ngoài việc chị D nhờ anh trả lãi tiền hộ còn anh không liên quan đến việc vay nợ và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện S đã căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị V.

Buộc chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q liên đới trả cho bà Dương Thị V tổng số tiền 782.444.500 đồng (*Bảy trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn, năm trăm đồng*). Trong đó tiền gốc 560.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 01/10/2018 đến ngày 20/9/2022 là 47 tháng 20 ngày, tiền lãi phải trả là 222.444.500đ. Cụ thể: Kỳ phần của các bên: Chị Tô Thị D phải trả nợ cho bà Dương Thị V số tiền 391.222.250 đồng, anh Vũ Minh Q phải trả nợ cho bà Dương Thị V số tiền 391.222.250 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành, trả đủ khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2022, bị đơn chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã được thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2022/DSST ngày 20/9/2022 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc chị D và anh Q chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ và đã nộp tạm ứng án phí theo đúng quy định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về nội dung: Bà Dương Thị V khởi kiện yêu cầu chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q phải trả nợ cho bà V tổng số tiền 560.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 01/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo 3 lần xác lập giao dịch, cụ thể theo giấy vay tiền đề các ngày 13/9/2017 (âm lịch), ngày 20/11/2017 (âm lịch) và ngày 20/8/2018 (âm lịch), lãi suất thoả thuận miệng là 1,5%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Tại giấy vay tiền ngày 13/9/2017 (âm lịch), ngày 20/11/2017 (âm lịch) đều có chữ ký và ghi rõ họ tên của bên vay là chị Tô Thị D, anh Vũ Minh Q, đối với giấy vay tiền ngày 20/8/2018 (âm lịch) không có chữ ký của anh Vũ Minh Q nhưng có chữ ký của người chứng kiến là bà Nguyễn Thị T. Chị D, anh Q thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các giao dịch mà bà V khởi kiện là chữ ký và chữ viết của anh Q, đồng thời nội dung trong các giấy vay tiền là do chị D viết. Theo bà V thì trong 3 giấy vay tiền bà cho chị D và anh Q vay chưa trả trên thì nhiều lần chị D và anh Q có sang trả lãi cho bà, có lúc chuyển khoản, có lúc anh chị đưa tiền mặt, tổng số tiền lãi đã trả đến nay là 61.500.000đ (Theo thông báo số 503 ngày 10/3/2021 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc và ghi chú tại các Giấy vay tiền).

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị D thừa nhận vay bà V số tiền gốc 400.000.000đ, không thừa nhận và không trả nợ số tiền 160.000.000 đồng, chị cho rằng đây là khoản tiền lãi bà V tính vào, sau đó đe dọa, ép vợ chồng chị ký giấy vay nợ. Ngoài lời trình bày anh, chị không có tài liệu hay người làm chứng về việc vợ chồng chị bị đe dọa, ép buộc ký giấy nợ 160.000.000 đồng ngày 20/8/2018, đồng thời tại cấp phúc thẩm chị D và anh Q cũng không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì. Mặc dù đến hiện nay chị D và anh Q không còn quan hệ vợ chồng nhưng thời điểm vay tiền bà V thì chị D và anh Q vẫn đang là vợ chồng, giấy vay tiền ngày 13/9/2017 (âm lịch), ngày 20/11/2017 (âm lịch) đều có chữ ký của chị D và anh Q, anh Q cũng thừa nhận nhiều lần trả lãi cho bà V thay chị D. Đồng thời theo bà V khẳng định thì đã có 02 lần anh Q đi cùng chị D đến nhận tiền vay. Do đó, căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là nợ chung của chị D, anh Q và buộc chị D, anh Q có nghĩa vụ trả nợ cho bà V theo 03 lần xác lập giao dịch của giấy vay tiền với tổng số tiền gốc 560.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Căn cứ theo ghi chú tại các giao dịch trong giấy vay tiền của bà V về việc cho chị D, anh Q vay tiền thì số tiền lãi bà V đã nhận của chị D, anh Q là 61.500.000đ. Cụ thể, tại giấy vay tiền ngày 20/11/2017 âm lịch, bà V ghi chú các tháng trả lãi: “*T12-T1-2018 T2 T3 T4 T5 T6 T7*”, lãi suất 1,5%/tháng tức số tiền lãi đã nhận là 12.000.000 đồng; tại giấy vay tiền ngày 13/9/2017 âm lịch, bà V ghi chú các tháng trả lãi: “*T10 T11 T12 T1-2018 T2 T3 T4 T5 T6 T7 T8*”, lãi suất 1,5%/tháng tức số tiền lãi đã nhận là 49.500.000 đồng; đồng thời tại giấy vay tiền ngày 20/8/2018 âm lịch, chị D ghi chú: “*Còn tiền cũ 400.000.000 đ (bốn trăm triệu cũ tôi sẽ hẹn trả cùng ngày 160 triệu) tổng 560.000.000đ*”. Như vậy, căn cứ

theo bản giải trình và sự thừa nhận của bà V tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm thì số tiền lãi bà V đã nhận của chị D, anh Q là 61.500.000đ là có căn cứ.

[2.4] Về yêu cầu tính lãi suất: Quá trình giải quyết bà V đề nghị chị D và anh Q trả cho bà số tiền nợ gốc là 560.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ tháng 01/10/2018 đến nay. Do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất trong giấy vay nợ và không thỏa thuận được về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc chị D, anh Q phải trả lãi cho bà V là 10%/01 năm, tương ứng là 0,833%/01 tháng. Do vậy số tiền lãi của tổng số tiền vay 560.000.000 đồng chị D, anh Q phải trả cho bà V được tính từ ngày 01/10/2018 đến hết ngày 20/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 47 tháng 20 ngày, tiền lãi phải trả là 222.444.500 đồng.

[2.5] Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị D, anh Q trả cho bà V 782.444.500 đồng, trong đó tiền nợ gốc của 03 giấy vay tiền ngày 13/9/2017, ngày 20/11/2017 và ngày 20/8/2018 (đều âm lịch) là 560.000.000 đồng và tiền lãi là 222.444.500 đồng là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của chị D và anh Q không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.6] Khi quyết định về trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thì Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chưa đúng theo Hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019. Đồng thời, căn cứ theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2020 thì chị D và anh Q đã ly hôn nhưng chị D, anh Q chưa đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung vợ chồng và tại phiên tòa các đương sự vẫn không đề nghị xác định về nợ chung của chị D và anh Q với bà V, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định kỹ phần của chị D, anh Q có nghĩa vụ trả nợ cho bà V là chưa chính xác. Tuy nhiên, việc tuyên chưa đúng trên của Tòa án cấp sơ thẩm chưa gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cách tuyên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị D, anh Q phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Chị D và anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Buộc chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q trả cho bà Dương Thị V tổng số tiền 782.444.500 đồng (*Bảy trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn, năm trăm đồng*), trong đó tiền nợ gốc 560.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu đồng*), tiền lãi 222.444.500 đồng (*Hai trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng*) theo các giấy vay tiền ngày 13/9/2017 (âm lịch), ngày 20/11/2017 (âm lịch) và ngày 20/8/2018 (âm lịch).

Kể từ ngày 21/9/2022 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q phải chịu 35.297.780 đồng (*Ba mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được đối trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị D đã nộp tại biên lai thu số **0002535 ngày 22 tháng 9 năm 2022** và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh Q đã nộp tại biên lai thu số **0002534 ngày 22 tháng 9 năm 2022** của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trả lại bà Dương Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.200.000đ (*Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002343 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện S;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà